

Dĩ An, ngày 05 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Kiều Thị Uyên.

Thư ký phiên họp: Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 72/2025/VLĐ-ST ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 41/2025/VLĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1985; thường trú: ấp X, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1987; thường trú: ấp X, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH L1; địa chỉ: Khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị Thúy L – giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt

3. Bảo hiểm xã hội Thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, Trung tâm hành chính D, khu phố N, phường D, thành phố D.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T, địa chỉ: Khu T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21/04/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 25/3/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng người yêu cầu bà Nguyễn Thị M trình bày:

Từ tháng 11/2007 đến tháng 3/2017, bà Nguyễn Thị M làm việc tại Công ty Cổ phần S, địa chỉ: Khu công nghiệp B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có đóng bảo hiểm xã hội số: 9107269480. Đến nay, bà M tiến hành điều chỉnh thông tin

bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: là do em gái ruột của bà M tên Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1987 sử dụng thông tin của bà M để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH L1 từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2007, có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 9103048083. Đồng thời gian đó, bà M giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần S.

Do đó, bà M bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2007 tương đương với thời gian bà Nguyễn Thị Ngọc P mượn hồ sơ lao động của bà M.

Vào thời điểm năm 2003, bà Nguyễn Thị Ngọc P không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà Nguyễn Thị Ngọc P là em ruột của bà M nên bà M đã hỗ trợ bà Nguyễn Thị Ngọc P mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, nay bà M có yêu cầu: Tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị M và Công ty TNHH L1 vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH L1:

Đã được tòa án thông báo nội dung khởi kiện và tổng đạt Quyết định mở phiên họp, nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết việc lao động.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH L1 cho người lao động thì Công ty TNHH L1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1985, số CCCD 082185016180, với mã số BHXH 9103048083 từ tháng 05/2003 đến tháng 09/2007 tại Công ty TNHH L1, đã nhận trợ cấp BHXH một lần.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị M còn có mã số 9107269480 có quá trình tham gia từ tháng 11/2007 đến tháng 03/2017 tại Công ty Cổ phần S.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị M và Công ty TNHH L1, đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Dĩ An căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty TNHH L1 có giao kết lại hợp đồng lao động với người mượn hồ sơ hay không?

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị M, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của bà Nguyễn Thị M phía Bảo hiểm xã hội Thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ngọc P là em gái ruột của bà Nguyễn Thị M, vào thời điểm 2003, bà P chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động, do không

hiều biết về mặt pháp luật nên bà P đã mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của bà M để làm hồ sơ lao động.

Bà P đã mượn thông tin cá nhân của bà M và đã làm việc tại Công ty TNHH L1 khoảng từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2007, sau đó bà P nghỉ việc tại Công ty TNHH L1.

Vì vậy, bà M đã bị đóng trùng bảo hiểm từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2007.

Nay, đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc tuyên Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị M và Công ty TNHH L1 vô hiệu thì bà P đồng ý.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thị Ngọc P, Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã Hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty TNHH L1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2007, người lao động tên Nguyễn Thị M, sinh năm 1985, số CCCD 082185016180, được Công ty TNHH L1 tham gia BHXH, BHYT, BHTN với mã số BHXH 9103048083. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH L1 và bà Nguyễn Thị M phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 5/2003 đến tháng 9/2007. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị Ngọc P thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH L1 và thực tế làm việc tại Công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2007 theo hợp đồng lao động là bà Nguyễn Thị Ngọc P, không phải bà Nguyễn Thị M, do bà P mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà M để đi làm việc. Đối với bà M có thời gian thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần S có mã số bảo hiểm xã hội là 9107269480. Mục đích mượn giấy tờ là để bà P có việc làm do thời gian này bà P chưa đủ 18 tuổi. Trình bày của bà M và bà P phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 5/2003 đến tháng 9/2007 bà Nguyễn Thị M có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH L1 và từ tháng 11/2007 đến tháng 3/2017 bà Nguyễn Thị M có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần S. Xét thấy việc bà P lấy tên bà M để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Nguyễn Thị M yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị M (do bà Nguyễn Thị Ngọc P mượn tên) với Công ty TNHH L1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các

đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị M yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH L1 với bà M (do bà P sử dụng thông tin của bà M để ký) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: bà Nguyễn Thị M phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị M.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1985; thường trú: ấp X, xã Hội Xuân, huyện C, tỉnh Tiền Giang (do bà Nguyễn Thị Ngọc P ký kết) với Công ty TNHH L1 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0008072 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án (02).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Kiều Thị Uyên